

Bản án số: 283/2026/HS-PT
Ngày 17-09-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Vũ Thị Bích Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2026/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2026/QĐXXPT-HS ngày 17 tháng 08 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2026/HSPT-QĐ ngày 28 tháng 08 năm 2026 đối với bị cáo Bùi Công Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2026/HS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Công Đ; sinh ngày 12 tháng 8 năm 1977 tại Hải Phòng; số CCCD: 031077003210; nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố G, phường B, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đức Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết), có vợ là Vũ Quỳnh L và 03 con: lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/7/2018, Công an huyện T, thành phố Hải Phòng xử phạt hành vi Đánh bạc (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2026 đến ngày 20 tháng 01 năm 2026, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11-01-2026, vợ chồng Trần Thị N1 mời, tiếp đón người thân đến dự liên hoan mừng “Tân gia” tại nhà ở tổ dân phố G, phường B, thành phố Hải Phòng. Từ 17 giờ đến hơn 19 giờ 30 phút cùng ngày, nhiều khách ăn liên hoan xong có người ngồi uống nước nói chuyện, có nhiều người tiếp tục ngồi ăn uống, chồng Trần Thị N1 say rượu đi ngủ, còn Trần Thị N1 cùng người nhà lúc tiếp khách, lúc dọn dẹp những mâm ăn xong. Có một số người rủ nhau tham gia đánh bạc ở các chiếu bạc, cụ thể như sau:

Chiếu bạc thứ nhất: Tại phòng khách tầng 1 gồm có: Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “đánh phỏm” được thua bằng tiền và sử dụng 01 thăm, 02 bộ bài tú lơ khơ có sẵn tại nhà N1 để đánh bạc. Đám bạc quy ước tỷ lệ được thua là: 10.000 đồng, 20.000 đồng, 30.000 đồng; “ù” thắng được số tiền 100.000 đồng/01 người; “cháy” thua số tiền 50.000 đồng đưa cho người nhất; mỗi ván “ù” sẽ ra tiền hồ cho chủ nhà là Trần Thị N1 số tiền 10.000 đồng, thanh toán sau khi kết thúc đám bạc. Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Bá T mang theo số tiền 1.090.000 đồng, Vũ Văn T1 mang theo số tiền 1.200.000 đồng, Đỗ Văn Q mang theo số tiền 2.200.000 đồng, Bùi Văn Đ2 mang theo số tiền 10.190.000 đồng và đều sử dụng hết để đánh bạc. Tổng số tiền Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới hình thức “đánh phỏm” là 14.680.000 đồng.

Chiếu bạc thứ hai: Tại khu vực phòng bếp gồm có: Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “đánh chắn” được thua bằng tiền, Vũ Đình B chia bài được trả công 80.000 đồng/01 giờ, đám bạc sử dụng 02 đĩa sứ, 02 bộ bài chắn, 01 thăm có sẵn tại nhà N1 để đánh bạc, quy ước tỷ lệ được thua là: “ù xuyên” là 60.000 đồng; “dịch” là 20.000 đồng; “ù chi”, “tám đỏ”, “bach định” là 200.000 đồng. Khi tham gia đánh bạc, Vũ Quang C mang theo số tiền 2.500.000 đồng, Vũ Đình S mang theo số tiền 3.000.000 đồng, Bùi Khắc T2 mang theo số tiền 4.200.000 đồng, Bùi Công Đ mang theo số tiền 4.000.000 đồng và đều sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới hình thức “đánh chắn” là 13.700.000 đồng.

Chiếu bạc thứ ba: Tại khu vực phòng ngủ tầng 2 gồm có: Vũ Đình L1, Bùi Khắc T3, Vũ Đình K, Vũ Đình T4, cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức “đánh sâm” được thua bằng tiền và sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 thăm để đánh bạc. Đám bạc quy ước tỷ lệ được thua là 5.000 đồng/01 lá còn lại trên tay người thua; “cháy” hoặc bị bắt bằng tứ quý của người khác thì bị mất số tiền 150.000 đồng cho người về nhất hoặc người bắt tứ quý; “Báo sâm” thắng được số tiền 200.000 đồng/01 người chơi. Khi tham gia đánh bạc, Bùi Khắc T3 bỏ ra số tiền 1.200.000 đồng, Vũ Đình

L1 bỏ ra số tiền 400.000 đồng, Vũ Đình K bỏ ra số tiền 900.000 đồng, Vũ Đình T4 bỏ ra số tiền 1.010.000 đồng và đều sử dụng hết vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền Bùi Khắc T3, Vũ Đình L1, Vũ Đình K, Vũ Đình T4 sử dụng vào mục đích đánh bạc dưới hình thức “đánh sâm” được thua bằng tiền là 3.510.000 đồng.

Khoảng 20 giờ 30 phút đến 22 giờ ngày 11-01-2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H bắt quả tang nhóm đối tượng có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền ở 03 chiếu bạc tại nhà của Trần Thị N1. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 khai nhận phù hợp nội dung vụ án về hành vi đánh bạc dưới hình thức “đánh phỏm”; các bị cáo Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, Vũ Đình B khai nhận phù hợp nội dung vụ án về hành vi đánh bạc dưới hình thức “đánh chắn”. Riêng bị cáo Trần Thị N1 khai nhận biết có 2 chiếu bạc chơi dưới tầng 1 nhưng cho các bị cáo sử dụng nơi ở của mình tại tổ dân phố G, phường B, thành phố Hải Phòng thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền, sau khi kết thúc việc đánh bạc, trường hợp các bị cáo mừng tuổi tân gia bằng tiền hồ của người chơi thì cũng đồng ý.

Bản Cáo trạng số 45/CT-VKSKV1 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Thị N1 về tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, Vũ Đình B về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Công Đ,

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị N1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn Đ2, Bùi Khắc T2,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58, 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Vũ Đình B;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N1 phạm tội “Gá bạc”. Các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, Vũ Đình B phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị xử phạt:

Xử phạt:

1. Bùi Công Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 12 tháng 01 năm 2026 đến ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Điều 123 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Bùi Công Đ cho đến khi bắt thi hành án.

2. Trần Thị N1 từ 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bùi Văn Đ2 từ 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bùi Khắc T2 từ 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo được hưởng án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bị cáo được hưởng án treo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, thì phải thực hiện theo Điều 87 Luật Thi hành án hình sự

5. Vũ Đình S từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

6. Vũ Quang C từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

7. Đỗ Văn Q từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

8. Vũ Văn T1 từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

9. Nguyễn Bá T từ 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

10. Vũ Đình B từ 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; trừ 9 (chín) ngày tạm giữ được quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ, nên buộc bị cáo phải chấp hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án. Gia đình người bị kết án cải tạo không giam giữ có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của bị cáo trong việc giám sát, giáo dục người đó. Miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo được hưởng cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định Điều 95 Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, thì phải thực hiện theo Điều 96 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Trần Thị N1, Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Vũ Đình B.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Bùi Công Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội được cải tạo ngoài xã hội. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Bùi Công Đ cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là Đơn xin giảm nhẹ hình phạt thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn,

bố mẹ bị cáo đều đã mất, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải chăm lo 03 con nhỏ.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng thủ tục nên đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Công Đ là hợp pháp, được chấp nhận. Nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội được cải tạo ngoài xã hội. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo Bùi Công Đ cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới là Đơn xin giảm nhẹ hình phạt thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bố mẹ bị cáo đều đã mất, hiện nay bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải chăm lo 03 con nhỏ. Nhận thấy, bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi đã thực hiện; bị cáo có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Công Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Bùi Công Đ đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của bị cáo Bùi Công Đ:

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

[2.1] Bị cáo Trần Thị N1 biết, cho phép sử dụng nơi ở của mình tại tổ dân phố G, phường B, thành phố Hải Phòng để tổ chức 02 chiều bạc hoạt động đồng thời từ 20 giờ 30 phút đến 22 giờ ngày 11-01-2026. Chiều thứ nhất có Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 đánh phỏm với tổng số tiền 14.680.000 đồng. Chiều thứ hai có Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ đánh chắn với tổng số tiền 13.700.000 đồng. Tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc tại nhà bị cáo

Trần Thị N1 là 28.380.000 đồng. Bị cáo Trần Thị N1 thừa nhận các bị cáo đánh bạc tự bàn bạc cho hưởng tiền hồ cụ thể thì cũng đồng ý cho ngày V, phù hợp lời khai các bị cáo đánh bạc để tiền hồ mỗi ván 10.000 đồng từ chiếu phỏm. Vì vậy, bị cáo Trần Thị N1 phạm tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 đã tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức “đánh phỏm” được thua bằng tiền tại nhà bị cáo Trần Thị N1 ngày 11-01-2026. Cụ thể: Nguyễn Bá T sử dụng 1.090.000 đồng; Vũ Văn T1 sử dụng 1.200.000 đồng; Đỗ Văn Q sử dụng 2.200.000 đồng; Bùi Văn Đ2 sử dụng 10.190.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của chiếu phỏm là 14.680.000 đồng. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2 đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.3] Các bị cáo Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ đã tham gia đánh bạc trái phép dưới hình thức “đánh chắn” được thua bằng tiền tại nhà bị cáo Trần Thị N1 ngày 11-01-2026. Cụ thể: Vũ Quang C sử dụng 2.500.000 đồng; Vũ Đình S sử dụng 3.000.000 đồng; Bùi Khắc T2 sử dụng 4.200.000 đồng; Bùi Công Đ sử dụng 4.000.000 đồng; tổng số tiền đánh bạc của chiếu chắn là 13.700.000 đồng. Bị cáo Vũ Đình B có hành vi chia bài tại chiếu chắn và được trả công 80.000 đồng/01 giờ, cũng là hành vi tham gia vào hoạt động đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Vì vậy, bị cáo Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, Vũ Đình B đồng phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu bị đưa ra xét xử về hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, nhận tội ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố đến xét xử, trong đó có 9 bị cáo đều xin lỗi, cam đoan có xác nhận của gia đình, chính quyền địa phương, thể hiện sự ăn năn hối cải; còn bị cáo Bùi Công Đ tuy thành khẩn khai báo nhưng thực hiện lại hành vi từng vi phạm pháp luật trước đây nên không xác định ăn năn hối cải; nhưng đều áp dụng cho 10 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Bùi Văn Đ2, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, Vũ Đình B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên các bị cáo này đều được hưởng thêm tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đỗ Văn Q, Vũ Đình S, Bùi Văn Đ2, Vũ Văn T1, Nguyễn Bá T, Trần Thị N1, Vũ Quang C, Bùi Khắc T2 tích cực tham gia công tác địa phương, đóng góp quỹ từ thiện được chính quyền địa phương xác nhận, nên các bị cáo này đều được

hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vũ Quang C từng tham gia quân đội, có mẹ là bà Chu Thị H được tặng Huy hiệu chiến sĩ T, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bùi Công Đ thờ bố là liệt sĩ ông Bùi Công Đ3, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết theo điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về vai trò của bị cáo trong đồng phạm: Cần áp dụng các điều 17, 58 Bộ luật Hình sự để đánh giá vai trò, quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm tội “Đánh bạc” nhưng xác định các bị cáo đồng phạm giản đơn; tham gia đánh bạc với số tiền không lớn; nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội phát sinh từ liên hoan tân gia, thời gian tham gia không nhiều. Bị cáo Bùi Văn Đ2 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, sau đó đến Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ đánh bạc khoảng 4.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Vũ Quang C, Vũ Đình S, đánh bạc từ 3.000.000 đồng trở xuống, nên có vai trò ngang nhau. Vũ Đình B chia bài nên có vai trò thấp nhất.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, cần xử mức hình phạt theo thứ tự từ cao xuống thấp, cụ thể: Bị cáo Bùi Văn Đ2 cao hơn Bùi Khắc T2, cao hơn Bùi Công Đ, cao hơn Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Vũ Quang C, Vũ Đình S, cao hơn Vũ Đình B. Mức hình phạt Bùi Văn Đ2 cao ngang với Trần Thị N1, bảo đảm tính công bằng, phù hợp quy định pháp luật, bảo đảm trừng trị người phạm tội, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[5.1] Bị cáo Bùi Công Đ tuy có nhiều tình tiết theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng có nơi cư trú không ổn định, nhân thân đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc tuy được xóa, chưa bảo đảm quy định theo Điều 65 Bộ luật Hình sự nên cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo.

[5.2] Bị cáo Trần Thị N1 phạm tội trong vụ án với tính chất, mức độ không đáng kể; thiếu quyết liệt cấm cản các bị cáo khác Đánh bạc trong thời gian mà bị cáo N1 tiếp khách, dọn dẹp mừng tân gia; không biết có chiếu bạc thứ 3; không thúc giục, không chuẩn bị công cụ phạm tội mà do các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" tự bàn bạc, tự chuẩn bị; chưa nhận tiền hồ do tự các bị cáo thỏa thuận sẽ đưa cho bị cáo mừng thêm vui tân gia. Bị cáo Trần Thị N1, Bùi Văn Đ2, Bùi Khắc T2 có nhân thân là ngoài lần phạm tội này, người phạm tội chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; đều chấp hành chính sách, pháp luật tại địa phương ngoài phạm tội lần này, có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận; thỏa mãn điều kiện áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Nguyễn Bá T, Vũ Văn T1, Đỗ Văn Q, Vũ Quang C, Vũ Đình S, Vũ Đình B phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội “Đánh bạc” với số tiền không lớn, ít hơn các bị cáo Bùi Văn Đ2, Bùi Khắc T2, Bùi Công Đ, mà đang có nơi cư trú rõ ràng và xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội, nên cần xét xử các bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, bảo đảm quy định Điều 36 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập sung quỹ nhà nước đối với bị cáo.

[6] Về mức hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn xã hội, là tệ nạn xã hội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm minh để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo Bùi Công Đ đã bị xử phạt về hành vi đánh bạc tuy đã được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục tái phạm về hành vi phạm tội này thể hiện bị cáo Đ có nhân thân xấu, có thái độ coi thường pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm cũng như tại phiên toà, bị cáo Bùi Công Đ cung cấp tài liệu là Đơn xin giảm nhẹ hình phạt thể hiện bị cáo hiện đang là lao động duy nhất trong gia đình và phải nuôi 03 con nhỏ, bị cáo khẳng định mình có nơi cư trú ổn định tại địa chỉ Tổ dân phố G, phường B, thành phố Hải Phòng. Bị cáo Đ có bố đẻ là cụ Bùi Đức Đ1 là Liệt sỹ, gia đình bị cáo hiện đang thờ liệt sỹ. Xét hành vi và nhân thân cũng như các tình tiết tại giai đoạn phúc thẩm. Việc bắt bị cáo Bùi Công Đ cách ly khỏi xã hội là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện cũng đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 65 Bộ luật Hình sự, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng, giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo Đ được hưởng án treo.

[7] Về án phí: Bị cáo Bùi Công Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Bùi Công Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Công Đ; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng về hình phạt đối với bị cáo Đ.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; các điều 17, 58, 65 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Bùi Công Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Công Đ cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 lá; 02 bộ bài chắn, 02 thảm, 02 đĩa sứ (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại Phòng Thi hành án ân sự khu vực 1 - Hải Phòng).

Thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền đánh bạc 28.380.000 (hai mươi tám triệu, ba trăm tám mươi nghìn) đồng (Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Phòng C1 Công an thành phố H).

4. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Bùi Công Đ phải

nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2026/HS-ST ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Bạch Đằng, TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS CATP HP;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- TAND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang